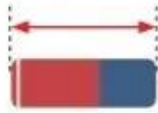


MÉT

Nói đơn vị đo phù hợp.

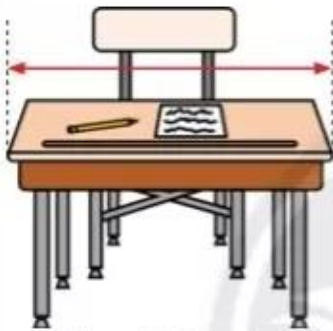


Chiều dài cục tẩy

Dùng thước đo theo đơn vị nào?

Đo theo xăng-ti-mét.

Đo theo đề-xi-mét.



Chiều dài bàn học



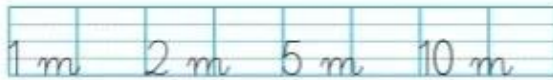
Chiều dài lớp học



Mét là một đơn vị đo độ dài. Mét viết tắt là m.

$$1 \text{ m} = 10 \text{ dm}; \quad 1 \text{ m} = 100 \text{ cm}.$$

1



2

Tìm hiểu quan hệ giữa mét, đề-xi-mét và xăng-ti-mét.

1 dm



$1\text{ m} = 10\text{ dm}$

$10\text{ dm} = 1\text{ m}$

Một đề-xi-mét, hai đề-xi-mét, ba đề-xi-mét, ..., mười đề-xi-mét.



10 cm



$1\text{ m} = 100\text{ cm}$

$100\text{ cm} = 1\text{ m}$

Mười xăng-ti-mét, hai mươi xăng-ti-mét, ba mươi xăng-ti-mét, ..., một trăm xăng-ti-mét.



3

a) **Mấy gang tay** của em thì được khoảng 1 m?



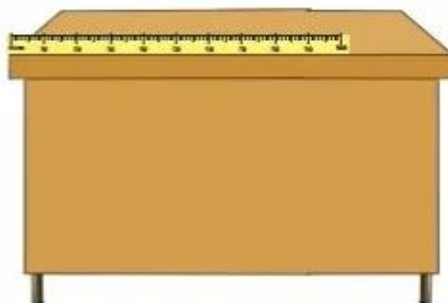
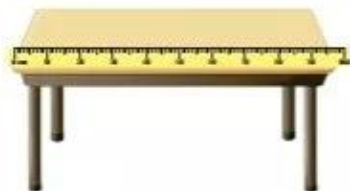
b) So sánh **chiều cao** của em với 1 m.



- c) So sánh **chiều dài** bàn học sinh và bàn giáo viên của lớp em với 1 m (dùng các từ: **ngắn hơn, dài hơn, dài bằng**).



Dùng dây thước mét.



4 Ước lượng rồi đo.

- a) Chiều dài bảng lớp.

Ước lượng: khoảng $.?.$ m.

Đo: $.?.$ m.



- b) Chiều dài và chiều rộng phòng học.

Chiều dài:

Ước lượng: khoảng $.?.$ m.

Đo: $.?.$ m.

Chiều rộng:

Ước lượng: khoảng $.?.$ m.

Đo: $.?.$ m.



- c) Chiều cao cửa ra vào lớp học.

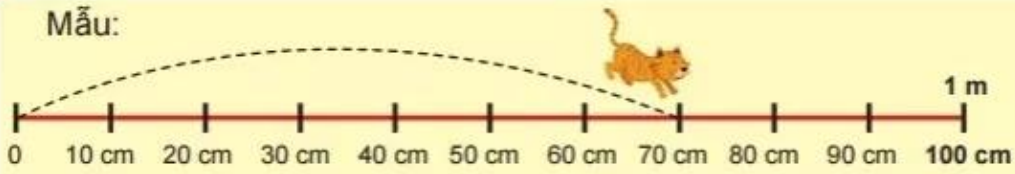
Ước lượng: khoảng $.?.$ m.

Đo: $.?.$ m.



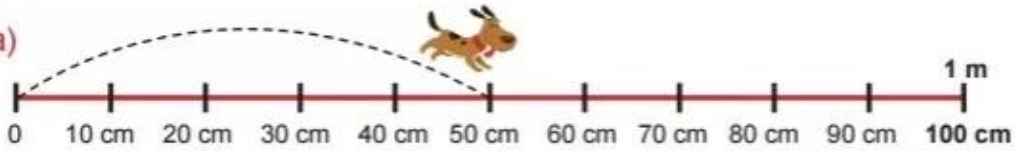
1 Số?

Mẫu:



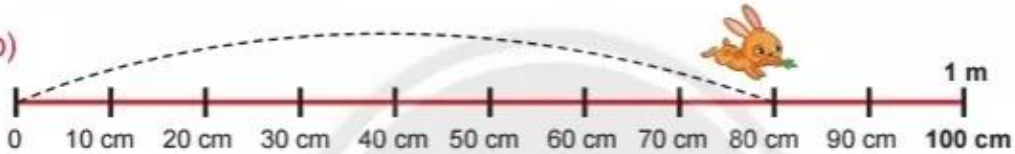
Mèo đã nhảy 70 cm, còn thiếu 30 cm mới đủ 1 m.

a)



Chó đã nhảy .? . cm, còn thiếu .? . cm mới đủ 1 m.

b)



Thỏ đã nhảy .? . cm, còn thiếu .? . cm mới đủ 1 m.

2 cm hay m?



Cục tẩy dài 4 .?.



Cửa sổ lớp rộng 2 .?.



Bút chì dài 15 .?.



Sợi dây dài 3 .?.



Hành lang dài 14 .?.



Cắt một đoạn dây dài 1 m rồi dùng sợi dây đó đo chiều dài, chiều rộng một số đồ dùng như bàn, giường, ...